

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN DẦU TIẾNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1130*/TB-THADS

Dầu Tiếng, ngày *16* tháng *06* năm 2025

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án dân sự sơ thẩm số 280/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 và Trích lục bản án số 117/2024/TL-BA ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 888/QĐ-CCTHADS ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định về việc ủy thác xử lý tài sản số 01/QĐ-CCTHADS ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định về việc xử lý tài sản ủy thác số 01/QĐ-CCTHADS ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80/QĐ-CCTHADS ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá số Vc 330/2025/282 ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ tư vấn đầu tư và Thẩm định giá LAHA;

Căn cứ Thông báo về lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản số 1114/TB-THADS ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức Đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương lựa chọn Công ty Đấu giá Hợp danh Công Lập; địa chỉ: số 29, đường số 8, KDC Hiệp Thành 3, khu 7, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản tài sản đã kê biên sau:

Quyền sử dụng đất đối với khu đất có diện tích 1.102,9m² trong đó có: 300m² đất ONT và 802,9m² đất CLN (có 102,4m² đất CLN thuộc hành lang an toàn đường bộ), thuộc thửa đất số 251, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại xã Định An,

huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DC 654966, số vào sổ cấp GCN: CS04706 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/7/2021, ngày 19/7/2022 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc Hoàng An đứng tên quyền sử dụng.

Tổng giá trị tài sản được thẩm định là: 1.832.847.000 đồng (*Một tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

Vậy, thông báo đề Công ty Đấu giá Hợp danh Công Lập biết./.

(*Đính kèm Bảng kết quả chấm điểm tổ chức Đấu giá tài sản*).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Trang TTĐT CTHADS T.Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Thái Thị Kim Quý



**KẾT QUẢ LỰA CHỌN
TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

KẾT QUẢ LỰA CHỌN:

1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất đối với khu đất có diện tích đo đạc thực tế là diện tích 1.102,9m² trong đó có: 300m² đất ONT và 802,9m² đất CLN (có 102,4m² đất CLN thuộc hành lang an toàn đường bộ), thuộc thửa đất số 251, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. Tổng giá trị tài sản được thẩm định giá là: 1.832.847.000 đồng (Một tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn:

- Công ty Đấu giá Hợp danh Công Lập; địa chỉ: số 29, đường số 8, Khu dân cư Hiệp Thành 3, Khu 7, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Tổng số điểm: 99 điểm.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm theo lý do (nếu có): không có.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không có.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

| TT | NỘI DUNG | Mức tối đa | Công ty đấu giá Hợp danh Công Lập |
|-----------|---|--------------------|-----------------------------------|
| I | Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | | |
| 1. | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Đủ điều kiện | Đủ điều kiện |
| 2. | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Không đủ điều kiện | |
| II | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối | 19,0 | 19,0 |



| | | | |
|------------|--|-------------|-------------|
| | với loại tài sản đấu giá | | |
| 1. | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 10,0 | 10,0 |
| 1.1 | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc | 5,0 | 5,0 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện | 5,0 | 5,0 |
| 2. | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | 5,0 | 5,0 |
| 2.1 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 2,0 | 2,0 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 3,0 | 3,0 |
| 3. | Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp | 2,0 | 2,0 |
| 4. | Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến | 1,0 | 1,0 |
| 5. | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá | 1,0 | 1,0 |
| III | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả | 16,0 | 16,0 |
| 1. | Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | 4,0 | 4,0 |
| 1.1 | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả | 2,0 | 2,0 |
| 1.2 | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả | 2,0 | 2,0 |
| 2. | Phương án đấu giá đề xuất việc bán, | 4,0 | 4,0 |

| | | | |
|-----|--|------|------|
| | <i>tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i> | | |
| 3. | Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá | 4,0 | 4,0 |
| 3.1 | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i> | 2,0 | 2,0 |
| 3.2 | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i> | 2,0 | 2,0 |
| 4. | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá | 4,0 | 4,0 |
| IV | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản | 57,0 | 56,0 |
| 1. | Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) | 15,0 | 15,0 |
| 1.1 | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i> | 12,0 | |
| 1.2 | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i> | 13,0 | |
| 1.3 | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i> | 14,0 | |
| 1.4 | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i> | 15,0 | 15,0 |
| 2. | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề | 7,0 | 7,0 |
| 2.1 | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i> | 4,0 | |
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i> | 5,0 | |
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i> | 6,0 | |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i> | 7,0 | 7,0 |
| 3. | Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề | 7,0 | 7,0 |
| 3.1 | <i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i> | 4,0 | |



| | | | |
|-----|---|------------|------------|
| 3.2 | <i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i> | 5,0 | |
| 3.3 | <i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i> | 6,0 | |
| 3.4 | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i> | 7,0 | 7,0 |
| 4. | <i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</i> | 3,0 | 3,0 |
| 4.1 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất</i> | 3,0 | 3,0 |
| 4.2 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề</i> | | |
| 4.3 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo</i> | | |
| 5. | <i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động</i> | 7,0 | 6,0 |
| 5.1 | <i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i> | 4,0 | |
| 5.2 | <i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i> | 5,0 | |
| 5.3 | <i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i> | 6,0 | 6,0 |
| 5.4 | <i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i> | 7,0 | |
| 6. | <i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i> | 4,0 | 4,0 |
| 6.1 | <i>01 đấu giá viên</i> | 2,0 | |
| 6.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i> | 3,0 | |
| 6.3 | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i> | 4,0 | 4,0 |
| 7. | <i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân</i> | 4,0 | 4,0 |
| 7.1 | <i>Dưới 05 năm</i> | 2,0 | |
| 7.2 | <i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i> | 3,0 | |
| 7.3 | <i>Từ 10 năm trở lên</i> | 4,0 | 4,0 |

| | | | |
|---------------------|--|------------|-------------|
| 8. | Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề | 5,0 | 5,0 |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 3,0 | |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 4,0 | |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 5,0 | 5,0 |
| 9. | Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng | 5,0 | 5,0 |
| 9.1 | Dưới 50 triệu đồng | 3,0 | |
| 9.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng | 4,0 | |
| 9.3 | Từ 100 triệu đồng trở lên | 5,0 | 5,0 |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định | 8,0 | 8,0 |
| | | | |
| 1 | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó | 1,0 | 1,0 |
| 2 | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh | 4,0 | 4,0 |
| 3 | Tiêu chí khác (Trong năm trước liền kề tổ chức đấu giá có số lượng Hợp đồng dịch vụ đấu giá, Hợp đồng sửa đổi bổ sung (phụ lục hợp đồng) bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương nhiều nhất và đồng thời có trụ sở chính tại tỉnh Bình Dương có kinh nghiệm hoạt động từ 10 năm trở lên) | 3,0 | 3,0 |
| Tổng số điểm | | 100 | 99,0 |

